

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157/2026/HS-PT**
Ngày: 18/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị V – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu chính trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M và Hồ Văn H1 về các tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Văn H, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2008 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Bru- V; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ CCCD: 045208000297, Nơi cấp: Cục C2 Bộ C3; Con ông: Hồ Chong, (chết); Con bà: Hồ Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Q, có mặt.

2. Hồ Văn M, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2008 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Bru- V; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ CCCD: 045208002872, Nơi cấp: Cục C2; Con ông: Hồ Văn N, con bà: Hồ

Thị S; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Q, có mặt.

3. Hồ Văn H1, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2009 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: khóm K, xã L, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Bru- V; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Thẻ CCCD: 045209008948, Nơi cấp: Cục C2 Bộ C3; Con ông Hồ Văn T1, con bà Hồ Thị P. Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn M: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H1: ông Hồ Văn T1 (cha bị cáo); địa chỉ: Khóm K, xã L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

+ Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H: Ông Nguyễn Lương C – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn M: Bà Lê Thị P1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H1: Bà Nguyễn Thị Thủy T2 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lê Minh T3 và Hồ Thái L không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm, nội dung vụ án liên quan đến hành vi của các bị cáo có kháng cáo được tóm tắt như sau:

Ngày 06/12/2024, Hồ Thái Lan nhận được cuộc gọi của một người đàn ông tên là T4 (không rõ nhân thân, lai lịch, L trình bày T4 là người quốc tịch Lào, ở bản K - M, huyện S, tỉnh Savannakhet, Lào) sử dụng facebook “Toàn C1” liên lạc đến tài khoản facebook tên “Thái Lan Mi Ni” của Hồ Thái L, đặt vấn đề mấy ngày nữa sẽ có ma túy và thuê L vận chuyển giao cho người khác. L đồng ý. Ngày 07/12/2024, Hồ Văn H, Hồ Văn M, Hồ Thái L và Hồ Văn H1 ngồi uống nước tại một quán thuộc thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã

L, tỉnh Quảng Trị) thì L nói với H “*chuẩn bị mấy ngày nữa đồ về, mi đi lấy nghe, tiền công họ cho 3.000.000 đồng*”. Hiếu hiểu “đồ” mà Thái L nói là ma túy nên trả lời “ô kê”.

Khoảng 22 giờ ngày 08/12/2024, Lê Minh T3 đang ở nhà tại thôn Đ, phường Đ, thành phố Đà Nẵng thì nhận được cuộc gọi của một người đàn ông tên H2 (T3 trình bày: người này tên Nguyễn Văn H2, ở T, xã A, thành phố Đà Nẵng; trước đó, T3 có 02 lần cùng H2 đi đến xã L, tỉnh Quảng Trị, lần thứ nhất đi chơi, lần thứ 2 H2 có nói cho T3 biết H2 đi vận chuyển ma túy), H2 nói “*có muốn kiếm tiền không, bắt G đi ra Quảng Trị nhận giúp cục hàng, em gửi lên xe và đi cùng xe vào đến Quảng Nam thì xuống xe, sau đó gửi cục hàng vào bến xe A sẽ có người nhận*”, T3 hỏi lại “hàng chi”, H2 trả lời “là ma túy”, T3 đồng ý. T3 gọi điện cho Nguyễn Đức L1 làm nghề lái xe dịch vụ, thuê L1 chở T3 và Trần Thị N1 là bạn gái và đang ở chơi tại nhà T3, cùng đi đến xã L, tỉnh Quảng Trị chơi. Khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T3 gặp H2, H2 nói tiền công cho việc vận chuyển ma túy từ L đi thành phố Hồ Chí Minh là 20.000.000 đồng, chi phí đi lại T3 tự chi trả. T3 đồng ý. Cả nhóm lên xe ô tô, yêu cầu L1 lái xe chở đi đến xã L, tỉnh Quảng Trị. Khoảng hơn 07 giờ ngày 09/12/2024, xe đến nơi, T3, H2, N1, L1 vào một quán ăn sáng, rồi đến khu vực bờ hồ L đợi khoảng 05 phút thì thấy một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) điều khiển xe mô tô Vision màu đen (không rõ biển kiểm soát) đến. H2 nói với T3 “*anh nó là anh T5, anh đi qua bên kia đã, em tự kiếm quán cà phê nào đó ngồi đi*”, sau đó H2 lên xe người này chở đi đâu không rõ.

Khoảng 06 giờ ngày 09/12/2024, L nhận được cuộc gọi của T4 thuê L vận chuyển ma túy từ bến sông S thuộc thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị đến quán C4 gần cầu M thuộc xã L, tỉnh Quảng Trị với tiền công 40.000.000 đồng. L đồng ý. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/12/2024, L sử dụng tài khoản facebook tên “Thải Lan Mi N2”, gọi điện đến tài khoản “Hiếu Paysay” của H, H mở loa ngoài cho M cùng nghe L nói “*họ muốn lấy đồ, mi với M xuống bờ sông chùa T8 lấy đồ*”, H hiểu L thuê H và M vận chuyển ma túy như đã thỏa thuận trước đó. H và M đồng ý cùng vận chuyển ma túy. Sau đó, H lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu đen, không biển kiểm soát chở M đi cùng. Trên đường đi, H nói với M “*đi xong việc bạn 1.500.000 đồng, tôi 1.500.000 đồng*”, M đồng ý. Hiếu chở M đến vị trí cách bờ sông S (thôn A, xã L, tỉnh Quảng Trị) khoảng 05m, quay đầu xe hướng ra Quốc lộ I. L chở H1 đến bến thì thấy H và M đang đợi ở bến thì quay xe ra cách quốc lộ I khoảng 100m thì dừng lại đợi. Sau khi gọi điện cho H xong, L nói với H1 “*đi coi đường cho M và H đi hàng ma túy lên, H1 có đi không, tiền công 1.000.000đồng*”, H1 trả lời là “đi”, L điều khiển xe Honda Vario màu trắng của L chở H1 đi hướng về bến sông S thôn A, khi đi L bảo H1 xem xung quanh có người lạ theo không, ý là xem có lực lượng Biên phòng,

Công an đi theo hay không. Khi đến bến sông Sê P thôn A, L và H1 nhìn thấy H và M đang đợi ở bến sông nên L chỡ H1 đi ra hướng ra đường Q, khi cách quốc lộ I khoảng 100m thì dừng, chờ H và M vận chuyển ma túy từ bờ sông lên. H và M đến bến sông Sê P đợi khoảng 03 phút, thì thấy hai người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) đi trên một thuyền máy đi từ hướng Lào sang Việt Nam, đến gần chỗ H và M. Sau đó một người đàn ông xách từ trên thuyền 01 bao gai màu xanh, bên trong có ma túy, đặt xuống bờ sông S, cách mép nước sông khoảng 01m, rồi hai người này đi thuyền quay về Lào; H và M biết bên trong bao gai có ma túy mà L thuê vận chuyển. H bảo Mơ đến xách bao gai này lên khu vực giá đề chân, trước yên xe mô tô. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe chỡ M đi ra Quốc lộ I thì thấy L và H1 đứng đợi. Khi H và M đến, L điều khiển xe đi trước ra đường quốc lộ 9 hướng đi về Đ, H chỡ M và bao gai chứa ma túy theo sau. L nói H1 xem xung quanh có người lạ theo không, ý là có lực lượng biên phòng hay công an không thì H1 xem và báo lại “không có ai”. H1 thấy H chỡ M cùng bao gai màu xanh nên hỏi L “*bao chi rứa*”, L trả lời “*ma túy đó*”, H1 hỏi tiếp “*ma túy loại chi*”, L trả lời “*loại hồng phiến giống loại bọn mình hay sử dụng rứa tề*”. Khi đi qua cầu M khoảng 100m, L chỉ tay về quán cà phê Tom bên trái đường, H chỡ M vào sân quán cà phê T6, địa chỉ xã L, tỉnh Quảng Trị, rồi nói với M “lấy để ở đó” đồng thời hướng mắt qua vị trí sau trụ cổng quán cà phê T6, ra hiệu cho M biết vị trí để bao gai chứa ma túy. Mơ xuống xe xách bao gai màu xanh chứa ma túy, đưa đến dựng đứng sát phía trong cổng bên phải (tính theo hướng từ trước vào trong quán). Sau đó, H chỡ M đi lên hướng Lao Bảo, khi qua cầu M, H và M gặp L chỡ H1 rồi cùng đến một quán nước ở thôn H, xã L, tỉnh Quảng Trị ngồi uống nước. Tại đây, L đưa cho H 3.000.000 đồng, ngồi chơi một lúc, H chỡ M ra về, đến chiều cùng ngày, H đưa cho Mơ 1.500.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy.

Về phần T3, trong thời gian H và Mơ vận chuyển ma túy nêu trên, theo yêu cầu của H2, T3 ở lại tại xã L, tỉnh Quảng Trị đợi. Một lúc sau, một người đàn ông (T3 trình bày là H2) gọi điện cho T3 nói “*hàng đã qua rồi đó, dựng trong một bao màu xanh, em coi thu xếp rồi đi đi, em lên chỗ cầu M đi*”. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T3 bảo L1 chỡ T3 và N1 đi về hướng cầu M, khi xe vừa đi qua cầu M theo hướng Lao Bảo về Đ, T3 thấy hai nam thanh niên (sau này T3 xác định là H và Mơ) chỡ nhau, trên xe có một bao gai màu xanh như hướng dẫn của thuê đã thông báo. T3 thấy H chỡ M cùng bao gai màu xanh đi vào quán cà phê T6, đặt bao gai màu xanh phía trong trụ cổng bên phải quán cà phê nhìn từ ngoài vào. Lúc này, xe L1 điều khiển đi quá quán C4 khoảng 30m, T3 bảo L1 điều khiển xe ô tô quay lại hướng Lao Bảo tìm quán lấy ráy tai. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T3 bảo L1 chỡ T3 và N1 đến quán cà phê “Tom”, T3 và N1 xuống xe vào quán, L1 điều khiển xe vào thành phố Đà Nẵng.

Khi vào quán cà phê, T3 nhìn thấy bao gai màu xanh dựng cạnh trụ cổng của quán cà phê, T3 cùng N1 ngồi uống nước thì H2 gọi điện cho T3 nói “*họ đem hàng qua rồi đó, em coi xe đến rồi đi đi*”. T3 liên lạc đặt vé xe khách của nhà xe T9 đón phía trước quán cafe để đi thành phố Hồ Chí Minh. Một lúc sau, nhà xe gọi điện cho T3 thông báo xe sắp đến điểm đón, T3 và N1 ra trước quán cà phê T6 đón xe. Khi thấy xe ô tô khách biển kiểm soát 74F-000.22, của nhà xe T9 đến, T3 quay vào cổng quán cà phê, xách bao gai màu xanh bên trong có ma túy qua đường đưa cho anh Đoàn Hồng L2 là phụ xe đưa lên xe. Sau đó, xe di chuyển đến Văn phòng nhà xe T9, số A Q, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, anh L2 đưa bao gai chứa ma túy xuống xe và đặt ở lề đường phía trước văn phòng cùng các hàng hoá khác trên xe. Sau đó, T3 thấy anh Nguyễn Hồng Q là quản lý đưa bao gai trên lên để ở thùng để hàng hóa trên xe khách giường nằm biển kiểm soát 74F-000.86, chạy tuyến Quảng Trị - thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T3 và N1 cùng một số hành khách lên xe 74F-000.86 khởi hành đi thành phố Hồ Chí Minh. Khi xe đến Km791+300 Quốc lộ A, thuộc địa phận xã N, tỉnh Quảng Trị thì gặp tai nạn giao thông. T3, N1 và một số hành khách trên xe được đưa đến Bệnh viện T10 để điều trị. Quá trình giải quyết vụ tai nạn, lực lượng chức năng đã đưa xe khách trên về trụ sở Công an xã H (nay là xã D) khám xét phát hiện, tạm giữ bao gai màu xanh, bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine. Sau đó, lần lượt T3, M, H đầu thú hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy như đã nêu trên. Hồ Thái L bỏ trốn đến ngày 08/8/2025 thì bị bắt về hành vi “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có phần nội dung về vật chứng, tài sản thu giữ, kết luận giám định không kháng cáo, bị kháng nghị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T3, Hồ Thái L, Hồ Văn H, Hồ Văn M và Hồ Văn H1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T3 tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2024.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự (sửa đổi năm 2025), Điều 91; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024:

+ Xử phạt bị cáo Hồ Văn H 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Văn M 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025); Điều 91, khoản 3 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024:

+ Xử phạt bị cáo Hồ Thái L 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2025.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Văn H1 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hồ Văn H1, đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Văn H1 và đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho các bị cáo H, M và H1 một phần hình phạt do có tình tiết mới có xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cảnh gia đình khó khăn, người dân tộc thiểu số.

- Các bị cáo và người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho các bị cáo: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần cho các bị cáo, lý do: bị cáo là còn nhỏ chưa thành niên, bị lôi kéo của bị cáo L, là người đồng bào, hoàn cảnh khó khăn, nhận thức thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Văn H1 và đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội và tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, dữ liệu trích xuất camera và kết luận giám định. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Các bị cáo đã tham gia vận chuyển tổng khối lượng ma túy cực lớn gồm: 3.491,89 gam Heroin; 4.980,39 gam Ketamine và 9.968,62 gam Metamphetamine. Hành vi này đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Đối với các bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M và Hồ Văn H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về vai trò trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, thực hiện các công đoạn vận chuyển thuê theo chỉ dẫn. So với bị cáo cầm đầu, vai trò của các bị cáo này có phần hạn chế hơn.

Về nhân thân và nhận thức: Các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trình độ học vấn thấp dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, dễ bị các đối tượng xấu lôi kéo, lợi dụng vào con đường phạm tội vì lợi ích kinh tế tức thời.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H và M đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về chính sách hình sự đối với người chưa thành niên: Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều chưa thành niên. Theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm.

[2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, mặc dù khối lượng ma túy là đặc biệt lớn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt cao nhất (kịch khung) đối với người chưa thành niên (15 năm đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi – bị cáo H, M; 09 năm đối với người từ 14 đến dưới 16 tuổi – bị cáo H1). Việc áp dụng mức tối đa đối với các thiếu niên dân tộc thiểu số, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và vai trò thứ yếu là có phần quá nghiêm khắc, chưa thể hiện hết tính nhân văn và sự khoan hồng của Nhà nước và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có xác nhận của địa phương hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, gia đình bị cáo

H1 thuộc hộ cận nghèo, cha bị cáo M có nhiều thành tích được địa phương khen thưởng, gia đình bị cáo H có công cách mạng. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo nỗ lực cải tạo để sớm trở về với cộng đồng.

[3]. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M và bị cáo Hồ Văn H1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

1. T7: Các bị cáo Hồ Văn H, Hồ Văn M và Hồ Văn H1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Hồ Văn H: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91 BLHS; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

2.2. Đối với bị cáo Hồ Văn M: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91 BLHS; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2024.

2.5. Đối với bị cáo Hồ Văn H1: Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự (sửa đổi năm 2025); Điều 91, khoản 3 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt: 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

- TAND tối cao;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Q;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Q;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Q;
- THADS tỉnh Q;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Dung